

Số: 142/2013/CV-CT

Tiền Giang, ngày 18 tháng 04 năm 2013

Công bố thông tin Báo cáo tài chính Quý 1-2013

Kính gửi:

**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CẠI LẬY**
2. Mã chứng khoán: **MKV**
3. Địa chỉ: **560 Quốc lộ 1A – Khu 5 – TT Cai Lậy – Tỉnh Tiền Giang**
4. Điện thoại: **073 3820974** -Fax: **073 3826363**
5. Người thực hiện công bố thông tin: **TRẦN HOÀNG SƠN**
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính quý 1 năm 2013 của CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CẠI LẬY được lập ngày 18/04/2013 bao gồm:

- ✓ Bảng cân đối kế toán
- ✓ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh
- ✓ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- ✓ Thuyết minh báo cáo tài chính

6.2 Báo cáo tài chính quý 1 năm 2013 lợi nhuận trước thuế đạt 498.042.130 đồng tăng 170,81% so với quý 1 năm 2012. Công ty chúng tôi có giải trình sau:

- Do công ty tổ chức kiểm soát chi phí đầu vào chặt chẽ làm cho giá thành sản phẩm giảm, chi phí lãi vay ngân hàng quý 1/2013 cũng giảm nhiều so với quý 1/2012.

- Đồng thời công ty cũng tiến hành thanh lý một số TSCĐ không cần sử dụng cũng có thêm một khoản thu nhập.

Với lý do nêu trên đã dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh quý 1 năm 2013 của công ty tăng 170,81% so với quý 1/2012.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: **www.cailayvet.com.vn**

Công ty cổ phần dược thú y Cai Lậy cam kết thực hiện đúng quy định về việc công bố thông tin của Tổ chức niêm yết.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT
- TGD
- Lưu VPCT.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



TRẦN HOÀNG SƠN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC THÚ Y CẠI LẬY**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24,587,616,218	10,472,387,592
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13,306,536,244	2,669,227,666
1. Tiền	111	5.1	13,306,536,244	2,669,227,666
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.3	4,901,029,965	2,120,984,526
1. Phải thu khách hàng	131		9,565,355,506	6,775,272,989
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		273,032,015	283,069,093
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(4,937,357,556)	(4,937,357,556)
IV. Hàng tồn kho	140		5,511,934,500	4,599,040,796
1. Hàng tồn kho	141	5.4	5,511,934,500	4,599,040,796
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		868,115,509	1,083,134,604
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	13,000,000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,962,382	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	73,651,569
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	852,153,127	1,009,483,035

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10,803,930,636	7,947,571,934
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		10,614,903,745	7,704,864,261
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	968,345,341	1,531,975,029
+ Nguyên giá	222		5,914,443,987	6,799,334,756
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,946,098,646)	(5,267,359,727)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	49,191,133	1,529,722,231
+ Nguyên giá	228		88,000,000	1,550,100,000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38,808,867)	(20,377,769)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	9,597,367,271	4,643,167,001
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		189,026,891	242,707,673
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	189,026,891	242,707,673
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		35,391,546,854	18,419,959,526

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		10,158,098,431	8,666,743,233
I. Nợ ngắn hạn	310		9,746,045,681	8,230,290,233
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	4,640,000,000	4,650,000,000
2. Phải trả người bán	312	5.13	2,403,097,940	1,329,249,746
3. Người mua trả tiền trước	313	5.13	752,832,274	581,807,084
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	270,272,757	287,937,137
5. Phải trả người lao động	315	5.15	332,522,113	108,276,053
6. Chi phí phải trả	316		1,321,548,318	96,190,897
7. Phải trả nội bộ	317			-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	63,003,360	1,174,060,397
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.17	(37,231,081)	2,768,919
II. Nợ dài hạn	330		412,052,750	436,453,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	388,453,000	416,453,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		3,599,750	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		20,000,000	20,000,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25,233,448,423	9,753,216,293
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	25,233,448,423	9,753,216,293
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26,891,630,000	11,236,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(380,000)	(380,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8,817,459	508,817,459
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		61,045,665	234,485,665
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(1,727,664,701)	(2,225,706,831)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		35,391,546,854	18,419,959,526

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THỦ Y CAILẬY
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1,903,303,817	1,903,303,817
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		218.53	218.50
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Trần Hoàng Sơn

Tiền Giang, ngày 22 tháng 04 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Tiên Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CẠI LẬY
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B01 a - DN

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2013		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7,394,175,868	9,575,233,713	7,394,175,868	9,575,233,713
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		751,283,394	1,468,420,525	751,283,394	1,468,420,525
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		6,642,892,474	8,106,813,188	6,642,892,474	8,106,813,188
4. Giá vốn hàng bán	11		3,379,326,765	4,733,593,186	3,379,326,765	4,733,593,186
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3,263,565,709	3,368,220,002	3,263,565,709	3,368,220,002
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		22,857,340	5,546,594	22,857,340	5,546,594
7. Chi phí tài chính	22		626,329,009	753,366,440	626,329,009	753,366,440
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		198,044,354	211,779,932	198,044,354	211,779,932
8. Chi phí bán hàng	24		2,524,822,022	1,654,925,344	2,524,822,022	1,654,925,344
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		684,493,726	779,568,259	684,493,726	779,568,259
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		(549,221,708)	185,906,553	(549,221,708)	185,906,553
11. Thu nhập khác	31		3,489,272,727		3,489,272,727	
12. Chi phí khác	32		2,442,008,889	2,000,000	2,442,008,889	2,000,000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1,047,263,838	(2,000,000)	1,047,263,838	(2,000,000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		498,042,130	183,906,553	498,042,130	183,906,553
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			44,439,513		44,439,513
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		498,042,130	139,467,040	498,042,130	139,467,040
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Lập ngày 22 tháng 04 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Trần Hoàng Sơn



Vũ Tiến Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CẠI LẬY**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		498,042,130	222,197,563
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		99,344,605	135,050,145
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22,857,340)	(5,546,594)
Chi phí lãi vay	06		198,044,354	211,779,932
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		772,573,749	563,481,046
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1,774,071,275)	(795,422,557)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(912,893,704)	205,487,022
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		1,621,407,017	160,709,735
Tăng giảm chi phí trả trước	12		40,680,782	(9,184,012)
Tiền lãi vay đã trả	13		(198,044,354)	(221,779,932)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(409,192,708)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(40,000,000)	(2,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(899,540,493)	(98,708,698)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn kh	21		(4,954,200,270)	(144,131,484)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1,524,002,001	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(600,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22,857,340	5,546,594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3,407,340,929)	(738,584,890)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CẠI LẬY**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		14,982,190,000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2,190,000,000	2,393,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,228,000,000)	(2,453,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14,944,190,000	(60,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		10,637,308,578	(897,293,588)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2,669,227,666	1,243,254,998
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		13,306,536,244	345,961,410

KẾ TOÁN TRƯỞNG


 Trần Hoàng Sơn

Tiền Giang, ngày 22 tháng 04 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC


 Vũ Tiến Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200505472 ngày 28 tháng 01 năm 2003 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 08 năm 2011.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 560 Quốc lộ 1A, khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 đồng.

Hiện tại, Công ty đang tiến hành các phương án tăng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.
- Khai thác thủy sản biển.
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Kinh doanh hàng trang trí nội thất, ngoại thất, đồ gỗ.
- Kinh doanh phân bón.
- Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ.
- Nuôi trồng thủy sản biển.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Chăn nuôi gia cầm.
- Sản xuất, gia công, chế biến hàng lâm sản.
- Sản xuất, gia công hàng trang trí nội thất, ngoại thất, đồ gỗ.
- Trang trại chăn nuôi theo quy mô công nghiệp.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THỦ Y CAI LẠY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THỦ Y CẠI LẠY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 06 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 - 06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
+ Tài sản cố định vô hình	05 năm
+ Quyền sử dụng đất	Không khấu hao

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.9. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Giấy phép đầu tư số 1200505472 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 01 năm 2003, Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% trong 10 năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.10. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	460.700.151	1.090.954.689
Tiền gửi ngân hàng	12.845.836.093	1.578.272.977
Tổng cộng	13.306.536.244	2.669.227.666

(Phần tiếp theo ở trang 15)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn		-
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn		-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn		-

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	9.565.355.506	6.775.272.989
Các khoản phải thu khác	273.032.015	283.069.093
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	9.838.387.521	7.450.545.018
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.937.357.556)	(4.937.357.556)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	4.901.029.965	2.120.984.526

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.735.807.644	2.896.910.701
Công cụ, dụng cụ	-	-
Thành phẩm	712.284.837	576.376.702
Hàng hóa	445.179.962	485.829.322
Hàng gửi bán	618.662.057	639.924.071
Cộng giá gốc hàng tồn kho	5.511.934.500	4.599.040.796
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	5.511.934.500	4.599.040.796

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Đây là khoản tạm ứng mua vật tư và tạm ứng công tác của nhân viên.

(Phần tiếp theo ở trang 16)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CẠI LẬY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: ngàn đồng

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.880.394	2.026.894	1.709.727	182.319	6.799.334
Đầu tư XDCB hoàn thành					
Thanh lý trong kỳ	(884.891)				(884.891)
Số dư cuối kỳ	1.995.503	2.026.894	1.709.727	182.319	5.914.443
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.082.567	1.824.640	1.242.100	118.053	5.267.360
Khấu hao trong kỳ	497.548	26.396	38.632	10.403	572.979
Thanh lý trong kỳ	(884.891)				(884.891)
Số dư cuối kỳ	1.695.224	1.851.036	1.280.732	128.456	4.955.448
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	797.827	202.254	467.627	64.266	1.531.974
Tại ngày cuối kỳ	300.279	175.858	428.995	53.863	958.995

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

ĐVT: ngàn đồng

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chi phí cấp phép sản xuất	Chuyển giao quy trình sản xuất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.462.100	-	-	88.000	1.550.100
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý trong kỳ	(1.462.100)	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	88.000	1.550.100
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	-	20.378	20.378
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	4.733	4.733
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	25.111	25.111
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.462.100	-	-	67.622	1.529.722
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	62.889	1.524.989

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản khoản vay là 300.279.000 đồng – xem thêm mục 5.11.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CẠI LẬY THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Đầu tư vào công ty con

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

Đây là chi phí công cụ, dụng cụ còn phân bổ.

5.10. Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn là khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang được thế chấp bằng tài sản (xem thêm mục 5.6 và 5.7) theo hợp đồng thế chấp số 130019/HĐTĐ ngày 16/01/2012, thời hạn vay tối đa 07 tháng và chịu lãi suất thả nổi theo từng giấy nhận nợ.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	2.403.097.940	1.329.249.746
Người mua trả tiền trước	752.832.274	581.807.084
Tổng cộng	3.155.930.214	1.911.056.830

5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	116.874.025	78.886.836
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-73.651.569	-
Thuế thu nhập cá nhân	209.050.301	209.050.301
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	18.000.000	-
Tổng cộng	270.272.757	287.937.137

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CẠI LẬY THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 3 năm 2013 còn phải trả.

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	12.600.000	10.000.000
Bảo hiểm xã hội	26.931.498	37.881.407
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.471.862	1.126.178.990
Tổng cộng	63.003.360	1.174.060.397

5.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	2.768.919	-
Trích lập trong kỳ	-	-
Sử dụng trong kỳ	(40.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	(37.231.081)	-

5.16. Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	200.000.000	228.000.000
Vay đối tượng khác	188.453.000	188.453.000
Tổng cộng	388.453.000	416.453.000

Vay dài hạn ngân hàng là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 117032/HDTD ngày 11 tháng 10 năm 2011 chịu lãi suất thả nổi theo từng giấy nhận nợ và được bảo đảm bằng tài sản của Công ty – Xem thêm mục 5.6.

Vay đối tượng khác là các khoản vay kinh phí sự nghiệp khoa học từ Sở khoa học công nghệ Tỉnh Tiền Giang nhằm đầu tư dự án trồng cây trà trà để trích tinh dầu, khoản vay này không tính lãi.

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

ĐVT: ngàn đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	11.236.000	(380)	488.818	214.485	86.130	12.025.053
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(2.225.707)	(2.225.707)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	20.000	20.000	-	40.000
Giảm khác	-	-	-	-	(86.130)	(86.130)
Số dư đầu năm nay	11.236.000	(380)	508.818	234.485	(2.225.707)	9.753.216
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	498.042	498.042
Tặng khác	15.655.630	-	-	-	-	15.655.630
Giảm khác	-	-	(500.000)	(173.440)	-	(673.440)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	26.891.630	(380)	8.818	61.045	(1.727.665)	25.233.448

5.17.2. Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra	2.689.163	1.123.600
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	(38)	(38)
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	1.123.562	1.123.562
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	498.042.130	(2.225.706.832)
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	88.000.000	90.886.558
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Chuyển lỗ năm 2012 sang	498.042.130	
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	-	(2.134.820.274)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	-	-
Trừ thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị định 101/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2011.	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm

-

-

7. Thông tin về các bên có liên quan

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.10.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/03/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.306.536.244	2.669.227.666
Đầu tư tài chính ngắn hạn		-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.901.029.965	2.120.984.526
Tổng cộng	18.207.566.209	4.790.212.192
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.028.453.000	5.066.453.000
Phải trả người bán và phải trả khác	2.403.097.940	1.329.249.746
Tổng cộng	7.431.550.940	6.395.702.746

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẠY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/03/2013	01/01/2013	31/03/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	-	-	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/03/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	2.403.097.940	-	2.403.097.940
Các khoản vay	4.640.000.000	388.453.000	5.028.453.000
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	1.329.279.746	-	1.329.249.746
Các khoản vay	4.650.000.000	416.453.000	5.066.453.000

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

